TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN KẾ SÁCH** **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 34/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 5/8/2019.
"V/v tranh hôn nhân và gia đình".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KẾ SÁCH, TỈNH SÓC TRĂNG

* Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Thạch Viết Tâm.

- Các Hội thẩm nhân dân:

1) ÔngTrần Xươnne.

2) Ông Huỳnh Khởi.

* Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: Bà Lý Thị Tư, Thư ký Toà án nhân dân huyện Kế Sách.

Trong ngày 5 tháng 8 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng, mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 191/2019/TLST-HNGĐ ngày 13/5/2019 về "Tranh chấp hôn nhân và gia đình", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 104/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 8/7/2019, Quyết định hoãn phiên tòa số 58/2019/QĐST-HNGĐ ngày 17/7/2019 và Thông báo dời ngày xét xử số 61/TB-TA ngày 24/7/2019, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Phan Thị Hà T**, sinh năm 1966

HKTT: Số 112/3 ấp 7, xã I, huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng.

Chỗ ở hiện nay: ấp 6, xã I, huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng (có mặt).

- Bị đơn: Ông **Nguyễn Văn S**, sinh năm 1961

HKTT: Số 112/3 ấp 7, xã I, huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng(vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 22/4/2019, nguyên đơn bà Phan Thị Hà T trình bày: Bà và ông Nguyễn Văn S cưới nhau trên tinh thần tự nguyện vào năm 1981nhưngkhông đăng ký kết hôn. Quá trình sống chung, ông, bà có ba người con chung là chị Nguyễn Thị Trúc L, sinh ngày 11/6/1983, anh Nguyễn Tuấn A, sinh ngày 14/10/1985 và anh Nguyễn Vũ L, sinh ngày 27/3/1988.Trong thời gian sống chung bà và ông S thường xuyên cải nhau do tính tình không phù hợp, ông S cư xử thiếu tôn trọng, thường xuyên đánh đập bà nên ông, bà đã sống ly thân khoảng 4 năm nay. Bà nhận thấy vợ chồng không thể hàn gắn, hôn nhân không thể tồn tại

nên yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn Văn S.Các con chung của bà và ông S đều đã trưởng thành và phát triển bình thường về thể chất lẫn tinh thần nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết vấn đề nuôi con và cấp dưỡng. Về tài sản chung và nợ chung thìbà không yêu cầu giải quyết.

- Ông Nguyễn Văn S trình bày: Ông thống nhất với lời trình bày của bà Phan Thị Hà T về thời điểm ông, bà sống chung, về con chung, tài sản chung, nợ chung. Ông thừa nhận quá trình sống chung ông có cư xử thiếu tôn trọng, đánh bà T do bà T dọn ra ngoài ở riêng mà không về nhà. Ông và bà T không còn sống chung hơn hai năm nay. Ông vẫn còn tình cảm với bà T nên không đồng ý ly hôn với bà T. Ông và bà T có tạo lập được tài sản chung, không có nợ chung nhưng ông không yêu cầu giải quyết các vấn đề này.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

[2]Về thủ tục tố tụng: Ông Nguyễn Văn S đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt lần thứ hai không có lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, tiến hành xét xử vắng mặt ông S.

[3]Về nội dung vụ án: Bà Phan Thị Hà T và ông Nguyễn Văn S đều thừa nhận ông, bà sống chung từ năm 1981, cho đến nay ông, bà không có đăng ký kết hôn. Tại điểm a mục 3 nghị quyết số 35/2000/NQ-QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc Hội quy định "*Trong trường hợp quan hệ vợ chồng được xác lập trước ngày 03 tháng 01 năm 1987, ngày Luật Hôn nhân và Gia đình năm 1986 có hiệu lực mà chưa đăng ký kết hôn thì được khuyến khích đăng ký kết hôn; trong trường hợp có yêu cầu ly hôn thì được Toà án thụ lý giải quyết theo quy định về ly hôn của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000*".Theo quy định nêu trên, hôn nhân của ông, bà được pháp luật công nhận.

[4]Bà T cho rằng bà và ông S phát sinh mâu thuẫn do ông, bà thường xuyên cải nhau, ông S cư xử thiếu tôn trọng bà, đánh bà,bà và ông S đã sống ly thân khoảng 4 năm nay. Ông S cũng thừa nhận bản thân có đánh bà T và không còn sống chung với bà T hơn hai năm nay, nhưng ông vẫn còn tình cảm với bà T nên không đồng ý ly hôn.Ông S và bà T đã không còn chung sống với nhau nhiều năm,ông, bà không có biện pháp nào hàn gắn tình cảm để chung sống lại với nhau, tại phiên tòa bà T cương quyết xin ly hôn với ông S, vì sống chung ông S thường đánh đập bà. Hôn nhân giữa bà T và ông S đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 39 Bộ luật dân sự năm 2015 và khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu của bà T, cho bà được ly hôn với ông Nguyễn Văn S.

[5]Về con chung: Bà Phan Thị Hà T và ông Nguyễn Văn Scó ba người con chung là chị Nguyễn Thị Trúc L, sinh ngày 11/6/1983, anh Nguyễn Tuấn A, sinh ngày 14/10/1985 và anh Nguyễn Vũ L, sinh ngày 27/3/1988 đều đã trưởng thành

và phát triển bình thường về thể chất lẫn tinh thần, ông, bà không yêu cầu xem xét, giải quyết vấn đề nuôi con và cấp dưỡng nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[6] Về tài sản chung và nợ chung: Bà Phan Thị Hà T và ông Nguyễn Văn S có tạo lập được tài sản chung, không có nợ chung nhưng ông, bà không yêu cầu xem xét, giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[7] Về án phí: Bà Phan Thị Hà Tphải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm 300.000 đồng theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015,điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 4 Điều 147, Điều 266, Điều 271, Điều 273, Điều 278, Điều 280của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 39 Bộ luật dân sự năm 2015;khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a mục 3 nghị quyết số 35/2000/NQ-QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc Hộivà điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phan Thị Hà T.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Phan Thị Hà Tđược ly hôn với ông Nguyễn Văn S.

2. Về con chung: Bà Phan Thị Hà T với ông Nguyễn Văn S có 03 con chung là chị Nguyễn Thị Trúc Linh, sinh ngày 11/6/1983, anh Nguyễn Tuấn Anh, sinh ngày 14/10/1985 và anh Nguyễn Vũ Lâm, sinh ngày 27/3/1988 đều đã trưởng thành.Bà T và ông S không yêu cầu xem xét, giải quyết Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Các bên không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

4. Về án phí: Bà Phan Thị Hà Tphải chịu án phí ly hôn là 300.000 đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai số 0008512 ngày 26/4/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng. Bà T đã nộp đủ án phí sơ thẩm.

5. Báo cho bà T biết được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đối với ông S thì thời hạn kháng cáo nêu trên được tính kể từ ngày nhận được hoặc ngày niêm yết bản án, để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử lại vụ án theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án

dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Nơi nhận:
- Tòa án tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND huyện Kế Sách;
- THADS huyện Kế Sách;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Thạch Viết Tâm